

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2023

Thành phố Bắc Kạn, tháng 4 năm 2023

DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

--

1. Chương trình Đại hội;
2. Quy chế Đại hội;
3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, phương hướng năm 2023;
4. Báo cáo kết quả SXKD 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023;
5. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022;
6. Tờ trình thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2022;
7. Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022;
8. Tờ trình về thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký năm 2023;
9. Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022;
10. Tờ trình về Ủy quyền cho HĐQT thế chấp tài sản và vay vốn tín dụng phục vụ sản xuất
11. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Thời gian: Khai mạc lúc 08h00 ngày 26 tháng 4 năm 2023

Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa, tỉnh Bắc Kạn

(Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
01	07h00-08h00	- Cổ đông đăng ký danh sách, nhận tài liệu;	BTC
02	08h00-08h30	- Ôn định và chào cờ;	BTC
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;	BTC
		- Thông qua quy chế Đại hội	BTC
		- Chủ tịch HĐQT lên phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội. - Giới thiệu và Biểu quyết Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
03	08h30-10h30	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI	
		1. Trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
		3. Trình bày Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Thảo luận và biểu quyết	Tổng Giám đốc
		4. Trình bày Báo cáo đánh giá hoạt động của BKS năm 2022. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng Ban kiểm soát
		5. Trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		6. Trình bày Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
04	10h30-10h45	Nghỉ giải lao 15 phút	
05	10h45-11h20	7. Trình bày Tờ trình về việc Thông qua thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2023. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		8. Trình bày Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2023. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng ban kiểm soát
		9. Trình bày Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT thế chấp tài sản và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ năm 2023. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tọa Đại hội
		10. Các nội dung khác do Đại hội quyết định.	Chủ tọa Đại hội
06	11h20-11h40	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tọa Đại hội Thư ký Đại hội
07	11h40-12h00	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

--

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;*

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp ĐHĐCĐ ăn mặc lịch sự.
2. Cổ đông khi vào phòng họp ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ hướng dẫn sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển sang chế độ rung không chuông.
5. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi cuộc họp kết thúc thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Quyền và nghĩa vụ các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ.

1.1. Điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu BKC theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt ngày 28/3/2023 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự họp ĐHĐCĐ.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- CMND/CCCD/hộ chiếu (bản chính).
- Bản chính Giấy ủy quyền và bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN của

người ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký tên bởi người đại diện pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 (một) Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ tên cổ đông, mã số tham dự Đại hội (do Ban Tổ chức gán cho mỗi cổ đông) và số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông tại ngày 28/3/2023 - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2023).

b. Cổ đông tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

c. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ muốn phát biểu thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa; phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ công ty.

e. Cổ đông tới dự họp ĐHĐCĐ sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, ứng xử văn minh, không gây rối mất trật tự làm ảnh hưởng đến cuộc họp.

g. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay; sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký được tham dự và tham gia biểu quyết bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tọa.

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là Chủ tọa của Đại hội.

2.2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.3. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế đã được Đại hội thông qua.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu Đại hội và trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

- Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

- Giải quyết các khiếu nại về ĐHĐCĐ (nếu có).

2.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác.

- Yêu cầu bộ phận chức năng duy trì trật tự tại cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc đổi địa điểm họp, nhưng không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày được mời dự họp chính thức, trong trường hợp sau:

- Địa điểm không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự cuộc họp;

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra giấy tờ, công nhận người đến dự họp hợp lệ, phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho người đến dự họp; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ

4.1. Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội;

- Soạn thảo, hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

5.1. Ban Kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

5.2. Ban Kiểm phiếu Đại hội có nhiệm vụ:

- Thống kê, tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung.
- Thực hiện việc phát phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu bầu.
- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác kết quả biểu quyết của các Cổ đông trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

III. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Nguyên tắc và cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại chương trình ĐHĐCĐ.
- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (*có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn*).

3. Cách biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự “*Tán thành*”, “*Không tán thành*”, “*Không có ý kiến*”) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề tại Đại hội đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng với từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết. Và tương tự, đối với các ý kiến còn lại.

Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết về các nội dung mình đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban Tổ chức.

4. Thể lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Đối với các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều

lệ; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi tổ chức, cơ cấu của Công ty; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng số tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp; việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nghị sự; cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội; Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua, không dùng lời lẽ xúc phạm hoặc gây mất trật tự tại Đại hội. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự chương trình làm việc và đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của các cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản họp của ĐHĐCĐ.

2. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Trên đây là Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Phi Hồ

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Thay mặt Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, tôi xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của HĐQT trong như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022

- Năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 (*Việt Nam chính thức mở cửa lại hoạt động du lịch từ 15/3/2022*); chính sách Zero Covid của Trung Quốc (*Trung Quốc sẽ mở cửa biên giới và dỡ bỏ hoàn toàn các biện pháp cách ly phòng Covid-19 từ ngày 8/1/2023*), ảnh hưởng cuộc chiến tranh giữa Nga-Ukraine dẫn đến giá nguyên, nhiên vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất (xăng, dầu, than cốc, sắt, thép....) tăng cao ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất; thủ tục xuất khẩu hàng hóa còn nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến hàng khó tiêu thụ, tiếp tục tồn kho, thiếu vốn để tái đầu tư sản xuất. Bên cạnh đó, từ cuối năm 2022 đến nay, nhiều doanh nghiệp cả trong nước và quốc tế buộc phải thu hẹp sản xuất, thậm chí là cho đóng cửa một phần nhà xưởng do đơn hàng xuất khẩu bị sụt giảm mạnh; thiếu đơn hàng, đứt gãy chuỗi cung ứng về nguyên liệu, lãi suất và tỷ giá hối đoái tăng vọt khiến nhiều doanh nghiệp càng khó khăn hơn, hoạt động cầm chừng, hàng ngàn lao động đã và đang trong nguy cơ mất việc.

- Cơ chế, chính sách của Nhà nước còn nhiều bất cập; Thủ tục hành chính đã được cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn chông chéo cứng nhắc mất nhiều thời gian để thực hiện làm chậm tiến độ của các dự án đang triển khai như hồ chứa thải mới, xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc tại Thái Nguyên, xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh.

- Trong mấy năm qua, Công ty chưa có thêm mỏ mới, các mỏ cũ khai thác trong điều kiện ngày càng khó khăn, sản lượng ít, hàm lượng thấp, các nguồn nguyên liệu khác chưa được cấp phép xử lý dẫn đến thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

Mặt khác, tình trạng lao động vừa thiếu, vừa yếu chưa có nhiều chuyển biến, lao động phổ thông lẫn lao động có trình độ, tay nghề cao vẫn khan hiếm, thiếu hụt, tuyển dụng khó; nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật, quy định Công ty của người lao động còn hạn chế.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	23.600,0	24.403,65	103,41
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	5.000,0	4.507,277	90,15
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.200,0	3.139,156	99,10
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	5.000,0	3.003,176	60,06
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	8.100,0	1.777,648	21,95
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	1.500,0	2.383,922	158,93
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.000,0	6.535,361	217,85
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	4.000,0	2.676,181	66,90
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	7.500,0	2.166,821	28,89
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	407,5	240,30	58,97
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	7,95	2,96	36,48
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,0	24,28	86,71
7	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	7,7	7,8	101,30
8	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	Đầy đủ	5,143	100,00
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	55,45	17,787	32,08

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

1. Các hoạt động chung

Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty, trong năm 2022 HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp và nhiều

lần xin ý kiến bằng văn bản để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Công ty. HĐQT đã ban hành 10 (mười) Nghị quyết, Quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, nhu cầu vốn và kế hoạch phát triển của Công ty thuộc thẩm quyền. HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 29/4/2022. ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó HĐQT đã lập các báo cáo tình hình quản trị 6 tháng, 01 năm và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền khác.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật hiện hành; HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày, bao gồm:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh;
- Tổ chức giám sát việc thực hiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư;
- Giám sát, chỉ đạo việc lập các báo cáo và thực hiện công bố thông tin đảm bảo minh bạch, kịp thời, đúng quy định.

3. Mức chi thù lao HĐQT năm 2022.

Công ty đã chi trả thù lao HĐQT theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua và Nghị quyết của Hội đồng quản trị về thù lao của HĐQT, cụ thể: Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông qua tại Nghị quyết số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 là **1.080.000.000 đồng** (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Số đã chi: **1.080.000.000 đồng**.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Năm 2023 được xác định là năm bản lề cho việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội cho nhiệm kỳ 05 năm 2021-2025. Dự báo tình hình có những thuận lợi, cơ hội nhưng khó khăn, thách thức lại nhiều hơn, hết sức phức tạp, khó lường, cả trong nước, trong khu vực và quốc tế. Sự suy giảm của tăng trưởng kinh tế thế giới, nhất là ở các quốc gia lớn; xu thế lạm phát đang tăng nhanh gây ra hệ lụy và tác động tới kinh tế và thương mại toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Việc Trung Quốc sẽ mở cửa biên giới và dỡ bỏ hoàn toàn các biện pháp cách ly phòng Covid-19 từ ngày 8/1/2023 sẽ tạo điều kiện cho nhiều ngành hàng xuất nhập khẩu, nhưng cũng đặt các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng của Việt Nam vào thách thức cạnh tranh hơn.

Cuộc chiến tranh giữa Nga-Ukraine kéo dài ngày càng diễn biến phức tạp với sự tham gia ngày càng nhiều hơn, sâu hơn của các nước lớn với các chính sách trừng phạt kinh tế qua lại cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, nhất là nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào của sản xuất sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn và khan hiếm nguồn cung, tăng mạnh về giá tác động trực tiếp đến hoạt động của các dự án nhà máy chế biến của Công ty.

Hoạt động khai thác gặp nhiều khó khăn do địa chất phức tạp, vị trí khai thác mới chưa khả quan, hàm lượng và chất lượng chưa đạt kỳ vọng; tình trạng nguồn nhân lực tiếp tục cạnh tranh mạnh khi có nhiều đơn vị trong khu vực bắt đầu hoạt động trở lại, mở rộng sản xuất; Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực cho hoạt động của nhà máy luyện chì và sản xuất bột kẽm oxít. Luyện kim tiếp tục sẽ là lĩnh vực hoạt động trọng tâm của công ty trong thời gian tới, đặc biệt là phải quyết tâm hoàn thành công tác xây dựng cơ bản hạ tầng Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh trong năm 2023 để sớm xây dựng, lắp đặt các Nhà máy và đưa vào vận hành trong năm 2024.

Bảng 2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	So sánh với kế hoạch năm 2022 (%)	So với thực hiện năm 2022 (%)
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	24.000,0	101,69	98,35
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.500,0	90,00	99,84

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	So sánh với kế hoạch năm 2022 (%)	So với thực hiện năm 2022 (%)
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.200,0	100	101,94
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	8.082,0	161,64	269,12
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	7.200,0	88,89	405,03
3	Khối lượng hàng hóa xuất bán				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	0	-	-
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	0	-	-
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	5.000,0	125,00	186,83
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	6.000,0	80,00	276,90
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	369,6	90,70	153,81
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	4,51	56,73	152,36
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,0	100,0	115,32
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,0	103,90	102,56
8	Nộp BHXH, BHYT	Triệu đồng	Đầy đủ	100,00	100,00
9	Nhu cầu sử dụng vốn trong năm	Tỷ đồng	591,3	1.066,37	3.324,34

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023:

2.1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. Phối hợp với Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình ĐHĐCĐ thông qua cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất, trong đó tập trung một số trọng tâm:

- Tiếp tục khai thác hiệu quả các mỏ hiện có (mỏ Nà Bốp-Pù Sáp, Mỏ Nà Duồng) và lập hồ sơ xin góp vốn điều tra cơ bản địa chất 02 điểm mỏ có triển vọng và hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò các điểm mỏ đã được đưa vào quy hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tập chung xây dựng cơ bản hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Tập trung hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý và thực hiện xây dựng, hoàn thiện cơ bản các hạng mục Hồ chứa đuôi thải xường tuyển theo thiết kế được phê duyệt.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để đầu tư xây dựng tổ hợp dây truyền luyện kẽm và điện phân kẽm gồm: Nhà máy xử lý sunfua kẽm, Nhà máy xử lý tách hòa tan ô xít kẽm, Nhà máy điện phân kẽm và Dây truyền điện phân Đồng cùng các công trình phụ trợ phục vụ dự án tại Cụm công nghiệp thuộc huyện Chợ Mới.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để đầu tư Dây truyền xử lý ác quy phé thải với công suất 120.000 tấn/năm và dây truyền xử lý bụi khói lò luyện thép (bụi lò cao) với công suất 70.000 tấn/năm cùng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh thuộc huyện Chợ Mới.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để đưa dây truyền hỏa luyện đồng công suất 6.000 tấn/năm vào hoạt động tại huyện Chợ Đồn.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để xây dựng và đưa dây truyền xử lý ác quy chì thải vào hoạt động tại huyện Chợ Đồn.

- Khởi công và hoàn thiện xây dựng, đưa vào sử dụng Tòa nhà Văn phòng tại Thành phố Thái Nguyên theo Quyết định chủ trương đầu tư số: 2133/QĐ-UBND ngày 12/07/2019 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 1985/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

2.3. Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém, chưa làm được, phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển vững chắc, mạnh mẽ từng bước đáp ứng được kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông và Cổ đông của Công ty.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- TKCT (CBTT);
- Lưu: VT, HsĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: 106 /BC-TGD

TP. Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, Tổng giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đánh giá chung:

- Do ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 nên bị giãn cách xã hội, đến tháng 3 năm 2022 mọi hoạt động mới chính thức trở lại bình thường nhưng vẫn chịu tác động tiêu cực từ hậu quả của dịch bệnh Covid-19. Ngoài ra còn ảnh hưởng nghiêm trọng từ cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina dẫn đến giá nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thủ tục hành chính đã được cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn chông chéo cứng nhắc mất nhiều thời gian để thực hiện làm chậm tiến độ của các dự án đang triển khai như hồ chứa thải mới, xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc tại Thái Nguyên, xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh.

- Môi trường làm việc của Công ty tiếp tục được cải thiện, đảm bảo an toàn lao động vệ sinh môi trường nơi làm việc, tăng thu nhập cho người lao động; áp dụng một số sáng kiến và rà soát điều chỉnh các khâu trong sản xuất đã giảm thiểu được tối đa chi phí.

2. Thuận lợi và khó khăn:

2.1. Thuận lợi:

Ban lãnh đạo có định hướng đúng, quyết tâm cao, chỉ đạo quyết liệt, sát sao với cơ sở; nội bộ Công ty đoàn kết, trên dưới đồng sức đồng lòng; người lao động tích cực trong lao động sản xuất; các cấp chính quyền trong tỉnh Bắc Kạn cơ bản ủng hộ, tạo điều kiện trong giải quyết công việc sản xuất kinh doanh.

2.2. Khó khăn:

- Chưa xin thêm được mỏ mới để thăm dò khai thác trong khi các mỏ cũ đang khai thác trong điều kiện khó khăn, sản lượng ít, hàm lượng thấp, một số nguồn nguyên liệu khác khan hiếm dẫn đến thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina dẫn đến giá nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư tăng cao nên giá thành sản phẩm tăng dẫn đến hàng khó tiêu thụ, tiếp tục tồn kho, thiếu dòng tiền để tái sản xuất ổn định.

- Mặc dù thủ tục hành chính đã được cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn chông chéo cứng nhắc dẫn đến mất nhiều thời gian để thực hiện làm chậm tiến độ của các dự án.

- Lao động phổ thông lẫn lao động có trình độ, tay nghề cao vẫn khan hiếm, thiếu hụt, tuyển dụng khó; nhận thức, hiểu biết, ý thức chấp hành của một bộ phận người lao động còn hạn chế.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2022 hoạt động khai thác, chế biến diễn ra tương đối ổn định, sản lượng đạt so với kế hoạch đặt ra. Bên cạnh đó có một số dự án vẫn chưa đi vào hoạt động theo đúng tiến độ như: hồ chứa thải mới, xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc tại Thái Nguyên, xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh,...

- Cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, cải tạo và nâng cấp; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện; trang thiết bị phục vụ sản xuất tiếp tục được cơ giới hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên.

- Mặc dù vẫn chịu tác động tiêu cực từ hậu quả của dịch bệnh Covid-19, ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina nhưng Công ty vẫn duy trì được sản xuất ổn định; tích cực trong tham gia các hoạt động an sinh, công tác xã hội tại địa phương; chăm lo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ sản xuất, vẫn tiếp tục thu hút và giữ được lực lượng lao động có tay nghề; đảm bảo về tiền lương và các chế độ, chính sách cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và người lao động.

- Năm 2022 mỏ chì kẽm Nà Bốp - Pù Sáp và Nà Duồng khai thác được 24.403,65 tấn quặng nguyên khai đạt 103,41% so với kế hoạch. Sản phẩm sau chế biến như sau: Tinh quặng chì 60%Pb được 4.507,277(tấn) đạt 90,15% so với kế hoạch; Tinh quặng kẽm 50%Zn được 3.139,156(tấn) đạt 99,10% kế hoạch; Chì kim loại $\geq 97\%$ được 3.003,176 (tấn) đạt 60,06% so với kế hoạch; Bột kẽm ôxít sản xuất được 1.777,648 (tấn) ZnO hàm lượng 50÷75% đạt 21,95% so với kế hoạch đặt ra. Trong năm 2022 Tổng doanh thu của Công ty được 240,3 tỷ đồng đạt 58,97% so với kế hoạch.

1.1. Kết quả đạt được trong năm 2022 cụ thể như sau:

Bảng 1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	23.600,0	24.403,65	103,41
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	5.000,0	4.507,277	90,15
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.200,0	3.139,156	99,10
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	5.000,0	3.003,176	60,06
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	8.100,0	1.777,648	21,95
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	1.500,0	2.383,922	158,93
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.000,0	6.535,361	217,85
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	4.000,0	2.676,181	66,90
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	7.500,0	2.166,821	28,89
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	407,5	240,30	58,97
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	7,95	2,96	36,48
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,0	24,28	86,71
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	-	5,143	-
8	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	7,7	7,8	101,30
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	55,45	17,787	32,08

(Ghi chú: Tiền BHXH phát sinh đến đâu Công ty thực hiện nộp đầy đủ đến đó)

Bảng 2. Chi tiết các khoản nộp ngân sách nhà nước năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2021	Phát sinh trong kỳ năm 2022		Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2022
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT	0	13.145.422.341	9.950.438.002	3.194.984.339
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.538.355	20.929.225	28.416.929	2.050.651
3	Thuế TNDN	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2021	Phát sinh trong kỳ năm 2022		Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2022
			Số phải nộp	Số đã nộp	
4	Thuế TN cá nhân	105.335.177	576.851.546	903.215.141	-
5	Thuế Tài nguyên	549.258.270	6.845.223.825	6.624.327.270	770.154.825
6	Thuế BVMT và thuế khác	430.790.800	5.369.769.385	5.197.250.502	603.309.682
7	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	1.077.232.188	1.576.908.537	0
Tổng cộng		1.094.922.602	27.035.428.510	24.280.556.381	4.570.499.497

Bảng 3. Chi tiết tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2022

STT	Chi phí đầu tư	Giá trị (Tỷ đồng)
1	Nhà máy luyện chì (Dây truyền hóa luyện Đồng và Dự án tuyển rửa bột ô xít kẽm)	16,448
2	Hồ chứa đuôi thải xường tuyển	0,286
3	Xây tòa nhà văn phòng ở Thái Nguyên	0,0
4	Điều tra cơ bản địa chất và thăm dò 04 điểm mỏ trong tỉnh	0,245
5	Tổ hợp dây truyền để luyện kẽm và điện phân kẽm (Cụm công nghiệp Thanh Thịnh Chợ Mới)	0,808
6	Dự án Điện phân Đồng	0,0
Tổng cộng		17,787

1.2. Nguyên nhân một số chỉ tiêu chưa đạt được KH đặt ra:

1.2.1. Chỉ tiêu Chì kim loại: Do vẫn chịu tác động tiêu cực từ hậu quả của dịch bệnh Covid-19, ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina dẫn đến giá nhiều liệu như than cốc điện cực vẫn tăng cao (năm 2021 thấp nhất là 9,1 triệu đồng/tấn, cao nhất là 15,5 triệu đồng/tấn; năm 2022 thấp nhất là 11,7 triệu đồng/tấn, cao nhất là 17,0 triệu đồng/tấn; tỷ lệ tăng bình quân năm 2022 so với năm 2021 là 16,67%); trong khi đó giá than cám cốc năm 2021 từ 2,8 đến 3 triệu đồng/tấn, năm 2022 từ 2,5 đến 4,1 triệu đồng/tấn, tăng bình quân 13,79% buộc nhà máy phải hoạt động cầm chừng do vậy không đạt được như chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đã đặt ra.

1.2.2. Bột kẽm ô xít: Do phải chuyển từ hồ sơ cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại sang giấy phép môi trường để tăng thời gian được xử lý chất thải nguy hại từ 5 năm

lên 7 năm nên đến tháng 12 năm 2022 mới được cấp giấy phép dẫn đến chậm so với kế hoạch. Ngoài ra do phải cạnh tranh với nhiều đơn vị thu gom khác nên thiếu nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhà máy. Bên cạnh đó thủ tục xuất khẩu phải qua nhiều khâu mới xác định được mã hàng hóa để thông quan nên sản phẩm nhà máy sản xuất ra tiêu thụ chậm dẫn đến thiếu dòng tiền tái đầu tư sản xuất.

1.2.3. Thực hiện giải ngân vốn đầu tư:

- Dự án hỏa luyện Đồng: Do phải chờ bổ sung quy hoạch chung của tỉnh nên chưa thể tiếp tục thực hiện được.

- Dự án Hồ chứa đuôi thải xường tuyển: Do phải mất nhiều thời gian để hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, môi trường, chuyển mục đích sử dụng rừng nên chưa thực hiện được.

- Dự án Xây dựng tòa nhà văn phòng tại Thái Nguyên: Do thời gian và tiến độ thực hiện hết hạn phải làm thủ tục gia hạn; làm thủ tục xin cấp bổ sung thông tin về quy hoạch dẫn đến việc chậm tiến độ xin cấp giấy phép Xây dựng.

- Dự án xử lý ác quy chì thải: Do phải chờ bổ sung quy hoạch chung của tỉnh nên chưa thực hiện được.

- Dự án tuyển rửa bột ô xít kẽm: Do chưa thực hiện được thủ tục pháp lý nên việc đầu tư trong năm 2022 được hạch toán vào chi phí sản xuất của nhà máy luyện chì.

- Dự án Điều tra cơ bản địa chất và thăm dò 04 điểm mỏ trong tỉnh: Do vẫn trong giai đoạn bổ sung quy hoạch của Bộ Công thương và chờ Thủ tướng chính phủ phê duyệt nên chưa thực hiện được.

- Dự án luyện kẽm và điện phân kẽm; Dự án Điện phân Đồng: Do phải thực hiện rất nhiều bước từ trung ương đến địa phương nên ngày 04/11/2022 mới chính thức được UBND tỉnh Bắc Kạn chấp thuận là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới; sau đó phải phối hợp đo đạc, kiểm đếm cây cối hoa màu cùng tài sản gắn liền với đất và hoàn thiện nhiều thủ tục pháp lý khác nên dự án chưa thực hiện được.

2. Công tác nhân sự:

2.1. Ban điều hành Công ty:

Hiện nay Ban điều hành gồm 05 thành viên cụ thể như sau:

Bảng 4. Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đình Văn Hiến	Tổng giám đốc	
2	Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
3	Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
4	Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc	

5	Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng giám đốc	
---	---------------	-------------------	--

2.2. Các quyết định quan trọng về tổ chức bộ máy, nhân sự Công ty:

- Trên cơ sở về tổ chức bộ máy, nhân sự và các đơn vị trực thuộc đã được thành lập, trong năm 2022 không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức.

- Về nhân sự cấp cao trong năm 2022: Không có sự thay đổi.

- Trong năm 2022, Tổng giám đốc đã bổ nhiệm 01 trưởng ban và 02 phó ban dự án Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Tổng số lao động toàn Công ty năm 2022:

Tổng số lao động của toàn Công ty là 411 người, tập trung chủ yếu ở các đơn vị sản xuất tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

2.4. Công tác đào tạo:

Trong năm 2022, mặc dù sản xuất kinh doanh còn gặp khó khăn nhưng Công ty vẫn thực hiện các khóa đào tạo, huấn luyện liên quan đến vật liệu nổ, hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh lao động... đảm bảo theo quy định của Nhà nước.

3. Kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư:

3.1. Hoạt động khai thác năm 2022:

- Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp tiếp tục hoạt động ổn định, sản lượng khai thác đạt 19.653,7 tấn quặng.

- Mỏ Nà Duông: Sản lượng khai thác đạt: 4.749,95 tấn quặng.

3.2. Hoạt động sản xuất, chế biến:

Trong năm 2022 nhà máy luyện chì và nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít đã được bổ sung nguồn nguyên liệu là các chất thải nguy hại công nghiệp để sản xuất, đạt sản lượng như sau:

- Nhà máy luyện chì đạt 3.003,176 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb \geq 97%).

- Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít đạt: 1.777,648 tấn ZnO hàm lượng 50 ÷ 75%.

- Riêng Nhà máy CBRQ-NGK Bắc Kạn chỉ duy trì sản xuất nước cấp cho các đơn vị trong Công ty để phục vụ sinh hoạt.

3.3. Hoạt động điều tra cơ bản địa chất, thăm dò:

- Mỏ Bó Nặm: Đã chuyển giao cho đơn vị khác thăm dò.

- Trong năm 2022, UBND tỉnh Bắc Kạn đã bổ sung 04 điểm mỏ có triển vọng vào quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản của tỉnh giai đoạn 2020 ÷ 2030. Tuy nhiên chưa thực hiện được là do vẫn trong giai đoạn bổ sung quy hoạch của Bộ Công thương và chờ Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

3.4. Hoạt động đầu tư khác:

Ngày 19/9/2022, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT về thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần sàu riêng Tây Nguyên; với số vốn góp là 05 tỷ đồng tương đương 5,18% vốn điều lệ.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Về khai thác, điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản:

- Tiếp tục khai thác mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt sản lượng 19.250 tấn quặng/năm.
- Mỏ Nà Duồng: Khai thác đạt công suất 4.750 tấn quặng/năm theo giấy phép đã được cấp.
- Tiếp tục lập hồ sơ xin góp vốn điều tra cơ bản địa chất 02 điểm mỏ có triển vọng và hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò các điểm mỏ đã được đưa vào quy hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Về chế biến khoáng sản:

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, Nà Duồng theo thực tế khai thác.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để đầu tư xây dựng tổ hợp dây truyền luyện kẽm và điện phân kẽm gồm: Nhà máy xử lý sunfua kẽm, Nhà máy xử lý tách hòa tan ô xít kẽm, Nhà máy điện phân kẽm và Dây truyền điện phân Đồng cùng các công trình phụ trợ phục vụ dự án tại Cụm công nghiệp thuộc huyện Chợ Mới.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để đầu tư Dây truyền xử lý ác quy phế thải với công suất 120.000 tấn/năm và dây truyền xử lý bụi khói lò luyện thép (bụi lò cao) với công suất 70.000 tấn/năm cùng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh thuộc huyện Chợ Mới.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để đưa dây truyền hóa luyện Đồng công suất 6.000 tấn/năm vào hoạt động tại huyện Chợ Đồn.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để xây dựng và đưa dây truyền xử lý ác quy chì thải vào hoạt động tại huyện Chợ Đồn.

3. Các hoạt động khác:

- Tìm các giải pháp tiếp tục đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại thành phố Thái Nguyên theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2133/QĐ-UBND ngày 12/07/2019 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1985/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Tập chung xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện trong đó có Hồ chứa đuôi thải mới cho Xưởng tuyển nổi tại huyện Chợ Đồn.

- Tiếp tục rà soát từng khâu trong khai thác, chế biến để cắt giảm tối đa chi phí, giảm giá thành sản xuất.

4. Các chỉ tiêu chính năm 2023:

Bảng 5. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	So sánh với kế hoạch năm 2022 (%)
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	24.000,0	101,69
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến			
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.500,0	90,00
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.200,0	100
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ Pb)	Tấn	8.082,0	161,64
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	7.200,0	88,89
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán			
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	0	-
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	0	-
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ Pb)	Tấn	5.000,0	125,00
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	6.000,0	80,00
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	369,6	90,70
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	4,51	56,73
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,0	100,0
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,0	103,90
9	Nhu cầu sử dụng vốn trong năm	Tỷ đồng	591,3	1.066,37

5. Tổng vốn đầu tư trung và dài hạn:

5.1. Nhu cầu vốn ngắn hạn (năm 2023):

Bảng 6. Chi tiết nhu cầu vốn cho các dự án của Công ty năm 2023

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Nhà máy luyện chì (Dây chuyền hòa luyện Đồng và tuyển rửa bột ô xít kẽm) tại huyện Chợ Đồn	12,0	Nguồn vốn tự có và vốn vay
2	Hồ chứa đuôi thải xởng tuyển	10,0	Nguồn vốn tự có và vốn vay

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú	
3	Xây tòa nhà văn phòng ở Thái Nguyên	27,55	Nguồn vốn tự có và vốn vay	
4	Cụm công nghiệp Thanh Thịnh – Chợ Mới (diện tích 50ha) <i>Trong đó:</i>	541,75	- Theo QĐ số 2140/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập Cụm Công nghiệp Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới. - Nguồn vốn tự có và vốn vay	
	4.1. Chi phí giải phóng mặt bằng		50,0	50 (ha) x 1,0 tỷ đồng/ha
	4.2. Chi phí di dời các hộ dân hiện có		15,0	10 hộ x 1,5 tỷ đồng/hộ
	4.3. Chi phí đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật CCN		476,75	50 (ha) x 9,535 tỷ đồng/ha ⁽¹⁾
	Tổng cộng	591,3		

5.1. Nhu cầu vốn trung và dài hạn:

Bảng 7. Nhu cầu vốn cho các dự án trung và dài hạn của Công ty

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Ghi chú
1	Điều tra cơ bản địa chất và thăm dò 04 điểm mỏ trong tỉnh	20,0	Sẽ thực hiện theo thực tế của từng phân kỳ đầu tư bằng nguồn vốn tự có và vốn vay
2	Tổ hợp dây truyền để luyện kẽm và điện phân kẽm	1.500,0	Sẽ thực hiện theo thực tế của từng phân kỳ đầu tư bằng nguồn vốn tự có và vốn vay
3	Dự án Điện phân Đồng	500,0	Sẽ thực hiện theo thực tế của từng phân kỳ đầu tư bằng nguồn vốn tự có và vốn vay
4	Dây truyền xử lý ắc quy phế thải tại Cụm CN Thanh Thịnh	80	Sẽ thực hiện theo thực tế của từng phân kỳ đầu tư bằng nguồn vốn tự có và vốn vay

¹ Suất đầu tư theo Quyết định 610/QĐ-BXD ngày 13/7/2022 của Bộ Xây dựng

5	Dây truyền xử lý bụi khói lò luyện thép (bụi lò cao) tại Cụm CN Thanh Thịnh	70	Sẽ thực hiện theo thực tế của từng phân kỳ đầu tư bằng nguồn vốn tự có và vốn vay
6	Tiếp tục góp vốn vào Công ty cổ phần sàu riêng Tây Nguyên	-	Sẽ thực hiện theo thực tế khi Công ty cổ phần sàu riêng Tây Nguyên phát hành cổ phiếu
	Tổng cộng	2.170,0	

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- KTT;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT, PC.



Đình Văn Hiến

Số: 14 /2023/BC-BKS

TP. Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

--

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“BKS”) báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2022 tình hình kinh tế, xã hội trên thế giới có ảnh hưởng đến kinh tế trong nước; Đó là chiến sự giữa Nga-Ukraine, Trung Quốc vẫn zero covid. Do vậy đã tác động không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá cả nguyên liệu đầu vào tăng, lưu thông hạn chế. Nhưng với quyết tâm của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), nhất là Chủ tịch định hướng dẫn dắt công ty và những cố gắng của Ban Tổng giám đốc đã giúp Công ty vượt qua những khó khăn.

• Trong năm 2022, BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty như: Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022; Giám sát hoạt động của “HĐQT”, Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông “ĐHĐCĐ” và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của “HĐQT”; Xem xét thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2022.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Bảng 1: Chỉ tiêu sản xuất và kết quả thực hiện năm 2022

ĐVT: Tấn

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện so với năm 2021
.1.	Khai thác quặng nguyên khai	23.600	24.404	21.264	103%	115%
.2.	Tinh quặng chì (60%)	5.000	4.507,28	4.255,83	90%	106%

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện so với năm 2021
.3.	Tinh quặng kẽm (50%)	3.200	3.139,16	2.415,15	98%	130%
.4.	Chì kim loại ($\geq 97\%$ Pb)	5.000	3.003,18	3.420,20	60%	88%
.5.	Bột kẽm ô xít (50-75% Zn)	8.100	1.777,65	3.657,00	22%	49%
6	Tinh quặng chì (60%) xuất bán	1.500	2.383,92		159%	
.7.	Tinh quặng kẽm (50%) xuất bán	3.000	6.535,36	7.889,22	218%	83%
.8.	Chì kim loại $\geq 97\%$ Pb xuất bán	4.000	2.676,18	3.702,44	67%	72%
.9.	Bột kẽm xuất bán	7.500	2.166,82	2.692,05	29%	80%

Qua biểu trên có thể thấy, mặc dù quặng nguyên khai tăng 3% so với kế hoạch nhưng hầu như các chỉ tiêu sản lượng sản xuất khác đều không đạt kế hoạch. Trong năm vừa qua có những sản phẩm sản xuất ra quá thấp so với kế hoạch đó là Chì kim loại và nhất là Bột kẽm ô xít chỉ đạt 22% kế hoạch; Đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của công ty.

Bảng 2: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2022

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện so với năm 2021
1	Tổng doanh thu	407,5	240,299	377,713	59%	64%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7,95	2,968	6,431	37%	46%

Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

- Hoạt động khai thác và chế biến cơ bản hoàn thành kế hoạch.
- Hoạt động Luyện chì và Bột kẽm ô xít đều không đạt kế hoạch; và thực hiện cũng thấp hơn so với năm trước, nhất là sản xuất Bột kẽm ô xít.
- Do sản xuất ở mức thấp nên ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu thụ sản phẩm; Chì kim loại chỉ đạt 67%; Bột kẽm ô xít chỉ đạt 29% so với kế hoạch và cũng đều thấp hơn so với năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận tính theo doanh thu của năm 2022 là: 1,235% cho thấy cứ 10.000 đồng doanh thu có 123,5 đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất lợi nhuận tính theo vốn của năm 2022 là: 0,7078% cho thấy cứ 10.000 đồng vốn có 70,78 đồng lợi nhuận.

2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư năm 2022

2.1 Hoạt động khai thác quặng, tuyển nổi

Năm 2022 hoạt động khai thác và tuyển nổi quặng sunfua nói chung là ổn định.

2.2 Nhà máy Luyện chì, Nhà máy sản xuất Bột kẽm ô xít

Hoạt động không được thường xuyên do thiếu nguyên liệu, dịch bệnh, lưu thông khó khăn, giá cả leo thang.

2.3 Các dự án khác

Các dự án khác gần như chưa hoạt động hoặc chỉ mới bắt đầu.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, BKS tổng hợp một số nội dung chính như sau:

Bảng 3: Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2022

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
1. Tổng tài sản	385.042.854.769	452.989.299.957
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3.617.178.464	13.276.062.876
- Các khoản phải thu ngắn hạn	86.468.595.160	183.625.514.452
- Hàng tồn kho	169.286.820.467	105.512.674.957
- Tài sản ngắn hạn khác	1.937.844.873	1.628.256.597
- Các khoản phải thu dài hạn	21.978.545.601	55.351.306.736
- Tài sản cố định (giá trị còn lại)	53.046.509.582	63.970.514.578
- Chi phí XDCB dở dang	21.442.754.124	11.660.586.688
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.257.416.075	15.257.416.075
- Tài sản dài hạn khác	7.007.190.423	2.706.966.998
2. Tổng nguồn vốn	385.042.854.769	452.989.299.957
<i>Trong đó:</i>		
- Nợ ngắn hạn phải trả	197.112.549.383	268.027.422.609
- Nợ dài hạn phải trả	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	117.377.280.000	117.377.280.000
- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.895.190	17.052.895.190

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
- Quỹ đầu tư phát triển	15.574.071.618	15.574.071.618
- Lợi nhuận chưa phân phối	27.926.058.578	24.957.630.540

Từ biểu trên thể hiện được năng lực thanh toán như:

- Khả năng thanh toán tổng quát năm 2022 là: 1,86 là tốt, nó cho biết cứ 1 đồng nợ phải trả có 1,86 đồng đảm bảo; Và khả năng thanh toán tổng quát của năm nay cũng cao hơn năm 2021 (khả năng thanh toán tổng quát năm 2021 là: 1,63).

- Khả năng thanh toán hiện hành năm 2022 là: 1,33 cho thấy khả năng thanh toán hiện hành chưa cao, mức độ đảm bảo của tài sản lưu động với nợ ngắn hạn còn thấp; Nhưng khả năng thanh toán hiện hành của năm 2022 vẫn tốt hơn năm 2021 (khả năng thanh toán hiện hành của năm 2021 là: 1,13).

- Khả năng thanh toán nhanh năm 2022 là: 0,47 cho thấy có gặp khó khăn trong việc thanh toán nhanh; Và khả năng thanh toán nhanh năm 2022 cũng thấp hơn năm 2021 (khả năng thanh toán nhanh năm 2021 là: 0,74).

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông

1.1 Đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong năm 2022 BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, năm 2022 đã tổ chức 04 cuộc họp và nhiều lần xin ý kiến bằng văn bản-email để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng định hướng cho sự phát triển của công ty. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được HĐQT chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo đúng quy định theo Điều lệ.

- Hội đồng quản trị đã ban hành 10 Nghị quyết, quyết định liên quan tới công tác tổ chức sản xuất, nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, nhu cầu vốn và việc chấp hành pháp luật về công bố thông tin.

- Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.

1.2 Đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và thực hiện việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ công ty.

- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và với quyết tâm cao của Ban Tổng giám đốc, từng bước đưa Công ty vượt qua những khó

khẩn, kinh doanh có lãi. Người lao động có thu nhập tạo niềm tin gắn bó lâu dài với Công ty.

- Công tác kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư: Hàng tháng Công ty đều giao chỉ tiêu cho các đơn vị, các bộ phận phải hoàn thành nhiệm vụ trong tháng. Có quy chế thưởng phạt rõ ràng, nhất là trong các đợt phát động thi đua sản xuất.

- Công tác kế toán: Nhìn chung có nhiều cố gắng trong công tác kế toán, báo cáo kịp thời, đúng hạn.

1.3 Đối với cổ đông

Qua công tác giám sát, BKS không phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. Trong năm BKS cũng không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và Cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận, cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2022, kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét và cho ý kiến.

Cuối cùng xin chúc quý vị Đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Công ty thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm 2023.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thế Phòng

Số: 15/2023/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

--

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán được công bố thông tin theo đúng quy định, đồng thời được đăng tải trên Website của Công ty (www.backanco.com), bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập.
3. Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022.
4. Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.
6. Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong đó:

**Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022
(Thời điểm 31/12/2022)**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	01/01/2022
I	VỀ TÀI SẢN			
01	Tài sản ngắn hạn	Đồng	261.310.438.964	304.042.508.882
02	Tài sản dài hạn	Đồng	123.732.415.805	148.964.791.075
03	Tổng tài sản	Đồng	385.042.854.769	452.989.299.957

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	01/01/2022
II	NGUỒN VỐN			
04	Nợ phải trả	Đồng	207.112.549.383	278.027.422.609
05	Nợ ngắn hạn	Đồng	197.112.549.383	268.027.422.609
06	Nợ dài hạn	Đồng	10.000.000.000	10.000.000.000
07	Vốn chủ sở hữu	Đồng	177.930.305.386	174.961.877.348
08	Tổng nguồn vốn	Đồng	385.042.854.769	452.989.299.957
II	KẾT QUẢ SXKD		Năm 2022	Năm 2021
09	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	240.298.998.787	377.712.504.659
10	Giá vốn	Đồng	221.945.101.880	347.288.274.432
11	Chi phí tài chính	Đồng	13.420.083.046	18.447.637.921
12	Chi phí quản lý	Đồng	12.602.671.554	10.636.027.273
13	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.968.428.038	6.431.474.474
14	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.968.428.038	6.431.474.474

(Kèm theo BCTC đã kiểm toán năm 2022)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT, Hsơ ĐHĐCĐ.

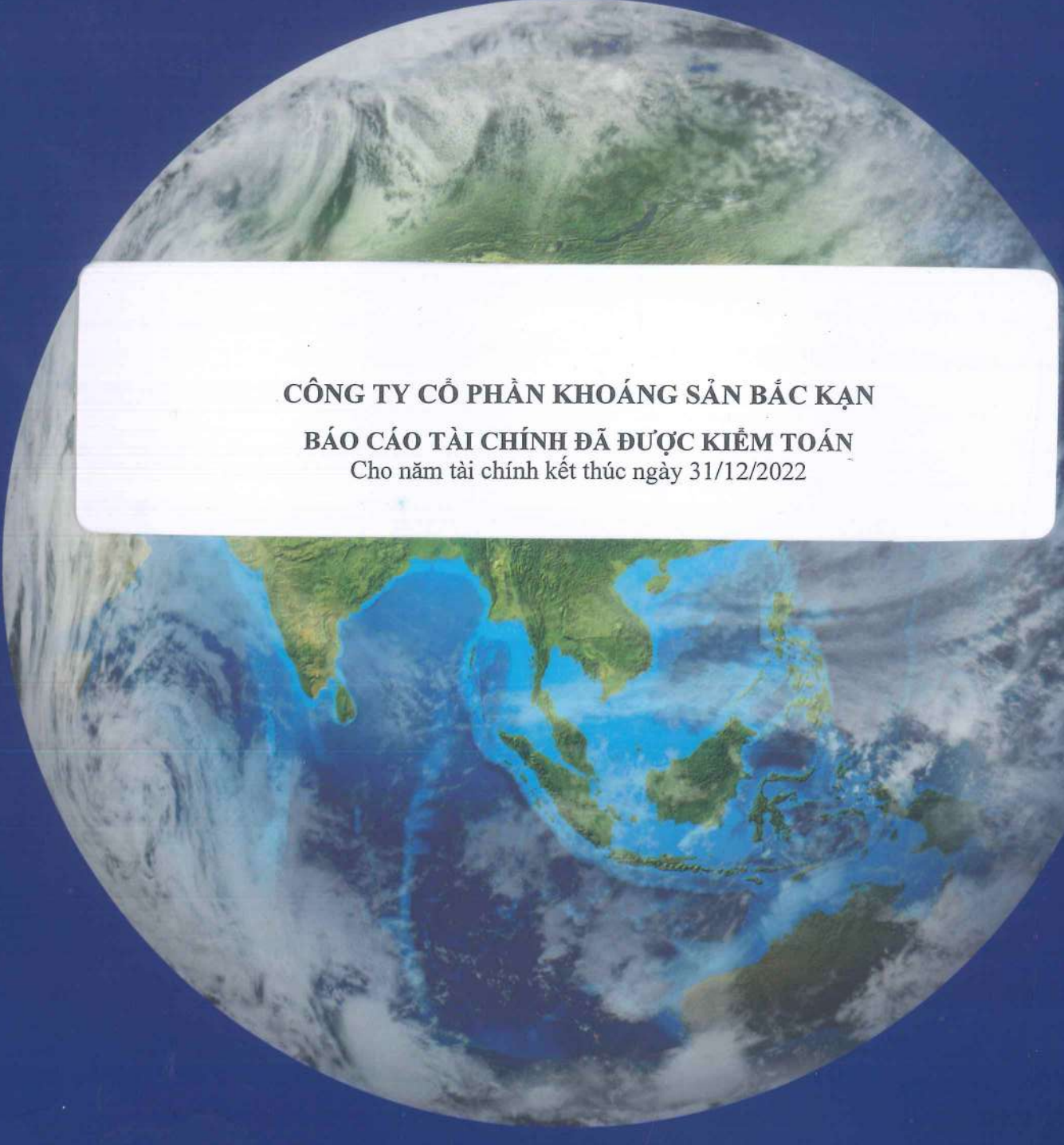
Quý Cổ đông quét mã Qrcode dưới đây để xem BCTC 2022 đã kiểm toán bởi CPA Việt Nam



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Cổ phiếu Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC. Theo Thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020. Theo Thông báo số 1128/TB-SGDHN ngày 02/4/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đưa cổ phiếu BKC của Công ty vào diện cảnh cáo từ ngày 06/4/2021, duy trì diện cảnh cáo theo Thông báo số 992/TB-SGDHN ngày 21/3/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên
Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.2 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 187/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn được lập ngày 30/3/2023 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Vũ Xuân Hùng
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		261.310.438.964	304.042.508.882
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.617.178.464	13.276.062.876
1. Tiền	111		3.617.178.464	4.264.062.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	9.012.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.468.595.160	183.625.514.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	73.668.376.818	180.744.889.457
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.753.704.211	6.962.628.042
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.805.430.577	1.676.913.399
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.758.916.446)	(5.758.916.446)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	169.286.820.467	105.512.674.957
1. Hàng tồn kho	141		170.738.161.451	106.964.015.941
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	(1.451.340.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.937.844.873	1.628.256.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.794.497.658	1.550.646.486
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.521.899	56.521.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	86.825.316	21.088.212
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		123.732.415.805	148.946.791.075
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.978.545.601	55.351.306.736
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	21.978.545.601	55.351.306.736
II. Tài sản cố định	220		53.046.509.582	63.970.514.578
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	53.006.758.335	63.851.260.835
- Nguyên giá	222		210.803.542.899	205.326.448.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(157.796.784.564)	(141.475.187.494)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	39.751.247	119.253.743
- Nguyên giá	228		1.111.264.959	1.111.264.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.071.513.712)	(992.011.216)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.442.754.124	11.660.586.688
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	21.442.754.124	11.660.586.688
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	20.257.416.075	15.257.416.075
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	20.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.205.922.401	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.257.416.075	15.257.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.205.922.401)	(26.205.922.401)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.007.190.423	2.706.966.998
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	7.007.190.423	2.706.966.998
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		385.042.854.769	452.989.299.957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		207.112.549.383	278.027.422.609
I. Nợ ngắn hạn	310		197.112.549.383	268.027.422.609
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	28.130.365.020	42.588.366.795
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	21.152.233.889	638.775.690
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.786.136.053	15.771.541.156
4. Phải trả người lao động	314		4.885.657.706	4.024.022.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.395.614.253	3.578.210.924
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.687.050.421	13.661.698.964
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	126.998.951.291	187.688.265.900
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000.000	10.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	10.000.000.000	10.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.930.305.386	174.961.877.348
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	177.930.305.386	174.961.877.348
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.926.058.578	24.957.630.540
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		24.957.630.540	18.526.156.066
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		2.968.428.038	6.431.474.474
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		385.042.854.769	452.989.299.957
(440 = 300+400)				

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	240.298.998.787	377.712.504.659
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		240.298.998.787	377.712.504.659
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	221.945.101.880	347.288.274.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		18.353.896.907	30.424.230.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.678.633.230	2.445.786.055
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.420.083.046	18.447.637.921
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.420.083.046	13.716.802.101
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	926.738.298	457.782.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.602.671.554	10.636.027.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.916.962.761)	3.328.569.088
11. Thu nhập khác	31	6.6	7.672.491.822	4.708.783.296
12. Chi phí khác	32	6.6	2.787.101.023	1.605.877.910
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	4.885.390.799	3.102.905.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.968.428.038	6.431.474.474
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.968.428.038	6.431.474.474
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	253	548

Người lập

Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Trần Thị Yên

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.968.428.038	6.431.474.474
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		17.003.754.550	16.958.426.228
- Các khoản dự phòng	03		-	5.143.642.943
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(111.063.598)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.567.569.632)	(257.558.190)
- Chi phí lãi vay	06		13.420.083.046	13.716.802.101
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.713.632.404	41.992.787.556
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		130.463.943.323	(74.303.711.491)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63.774.145.510)	30.593.873.964
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.066.955.440)	43.633.064.064
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.544.074.597)	2.885.378.098
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.578.686.223)	(22.106.217.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65.213.713.957	22.695.174.341
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.861.916.990)	(12.935.084.254)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		67.569.632	257.558.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.294.347.358)	(12.677.526.064)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		213.017.897.949	205.787.707.876
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(273.707.212.558)	(204.036.490.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(60.689.314.609)	1.751.216.958
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(9.769.948.010)	11.768.865.235
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.276.062.876	1.507.197.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		111.063.598	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.617.178.464	13.276.062.876

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc




Đinh Văn Hiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29/3/2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 28/10/2022 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Cổ phiếu Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC. Theo Thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020. Theo Thông báo số 1128/TB-SGDHN ngày 02/4/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đưa cổ phiếu BKC của Công ty vào diện cảnh cáo từ ngày 06/4/2021, duy trì diện cảnh báo theo Thông báo số 992/TB-SGDHN ngày 21/3/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2022 là 401 người (tại ngày 31/12/2021 là 453 người).

1.2 Ngành nghề hoạt động kinh doanh

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động Công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chưng, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

Hiện tại, Công ty quản lý và khai thác các mỏ sau: Mỏ chì kẽm Nà Bốp - Pù Sáp, thời hạn khai thác đến tháng 12/2029; Mỏ Chì Kẽm - Nà Duông, thời hạn khai thác đến hết năm 2030.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
- Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
- Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA;
- Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội (tạm ngừng hoạt động từ ngày 23/5/2018);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn - Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp - Pù Sáp (thành lập ngày 29/4/2021);
- Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Bản Kaiso, huyện Vang Viêng, tỉnh Viêng Chăn, nước CHDCND Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%	23%

Từ ngày 27/8/2022, Công ty TNHH Việt Trung không còn là Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 37/2022/NQ-HĐQT ngày 29/7/2022 và Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng vốn ngày 27/8/2022 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn và Công ty TNHH Công nghệ Kim Bảo.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên doanh liên kết mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số năm
20

Quyền sử dụng đất

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06-36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là quặng thành phẩm và rượu thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	219.538.561	698.807.032
Tiền gửi ngân hàng	3.397.639.903	3.565.255.844
Các khoản tương đương tiền	-	9.012.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	9.012.000.000
Tổng	3.617.178.464	13.276.062.876

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	73.668.376.818	180.744.889.457
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	-	17.454.201.665
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	-	138.386.269.175
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	62.116.269.175	16.295.611.300
Các đối tượng khác	8.661.707.023	5.718.406.697
Tổng	73.668.376.818	180.744.889.457

*Trong đó: Phải thu các bên liên quan
 (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

65.006.669.795 176.276.482.764

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trung tâm tư vấn và công nghệ môi trường Lê Văn Thắng	1.503.000.000	-
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	59.541.706	767.044.955
Các đối tượng khác	5.450.331.584	744.316.038
	2.740.830.921	5.451.267.049
Tổng	9.753.704.211	6.962.628.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.4 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	8.805.430.577	-	1.676.913.399	-
Công ty Liên doanh	462.590.470	-	462.590.470	-
Kim loại màu Việt Bắc				
Công ty TNHH MTV Việt Trung	7.150.000.000	-	-	-
Phải thu khác	583.441.276	-	582.801.276	-
Tạm ứng	609.398.831	-	631.521.653	-
Dài hạn	21.978.545.601	-	55.351.306.736	-
Ký cược, ký quỹ	1.669.687.766	-	1.457.756.851	-
Công ty TNHH MTV Việt Trung	20.308.857.835	-	53.893.549.885	-
Tổng	30.783.976.178	-	57.028.220.135	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	-	53.893.549.885	-

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.758.916.446	-	5.758.916.446	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm				2.890.400.620
Các đối tượng khác				2.868.515.826
Tổng				5.758.916.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.118.095.618	(1.451.340.984)	50.940.445.273	(1.451.340.984)
Công cụ, dụng cụ	1.751.883.080	-	1.488.962.561	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.082.805.007	-	7.187.531.497	-
Thành phẩm	92.674.368.152	-	38.396.144.566	-
Hàng hóa	12.111.009.594	-	8.950.932.044	-
Tổng	170.738.161.451	(1.451.340.984)	106.964.015.941	(1.451.340.984)

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.794.497.658	1.550.646.486
Chi phí nhà máy luyện chì	77.138.788	32.111.798
Chi phí công cụ, dụng cụ	414.340.096	420.575.490
Chi phí sửa chữa nhà máy bột kẽm - XNCD	64.255.142	533.867.907
Chi phí khác chờ phân bổ mỏ Nà Duồng	1.238.763.632	564.091.291
Dài hạn	7.007.190.423	2.706.966.998
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pồp-Pù Sáp	215.673.521	359.455.853
Chi phí sửa chữa, cải tạo	96.909.247	226.351.749
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.154.412.705	819.353.909
Chi phí lập báo cáo mở rộng khu chế biến chì kẽm	718.181.818	718.181.818
Chi phí khác chờ phân bổ	2.822.013.132	583.623.669
Tổng	8.801.688.081	4.257.613.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2022	108.970.111.244	83.598.580.575	9.271.121.653	344.630.205	3.142.004.652	205.326.448.329
Tăng trong năm	1.335.045.455	4.744.704.099	-	-	-	6.079.749.554
Mua trong năm	1.335.045.455	4.744.704.099	-	-	-	6.079.749.554
Giảm trong năm	119.975.904	215.193.010	267.486.070	-	-	602.654.984
Giảm khác (*)	119.975.904	215.193.010	267.486.070	-	-	602.654.984
Số dư tại 31/12/2022	110.185.180.795	88.128.091.664	9.003.635.583	344.630.205	3.142.004.652	210.803.542.899
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2022	64.869.854.132	66.944.858.778	6.896.452.307	332.509.017	2.431.513.260	141.475.187.494
Tăng trong năm	10.383.368.780	5.702.818.533	679.891.625	6.060.612	152.112.504	16.924.252.054
Khấu hao trong năm	10.383.368.780	5.702.818.533	679.891.625	6.060.612	152.112.504	16.924.252.054
Giảm trong năm	119.975.904	215.193.010	267.486.070	-	-	602.654.984
Giảm khác (*)	119.975.904	215.193.010	267.486.070	-	-	602.654.984
Số dư tại 31/12/2022	75.133.247.008	72.432.484.301	7.308.857.862	338.569.629	2.583.625.764	157.796.784.564
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2022	44.100.257.112	16.653.721.797	2.374.669.346	12.121.188	710.491.392	63.851.260.835
Tại 31/12/2022	35.051.933.787	15.695.607.363	1.694.777.721	6.060.576	558.378.888	53.006.758.335

(*): Giảm các tài sản cố định đã tiêu hủy do hư hỏng hoàn toàn, không có khả năng sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 34.710.560.320 VND (tại ngày 01/01/2022 là: 33.563.874.787 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 62.765.177.885 VND (tại ngày 01/01/2022 là: 60.161.927.711 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2022	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>1.111.264.959</u>	<u>1.111.264.959</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2022	992.011.216	992.011.216
Tăng trong năm	79.502.496	79.502.496
Khấu hao trong năm	79.502.496	79.502.496
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>1.071.513.712</u>	<u>1.071.513.712</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2022	<u>119.253.743</u>	<u>119.253.743</u>
Tại 31/12/2022	<u>39.751.247</u>	<u>39.751.247</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 316.000.000 VND (tại ngày 01/01/2022: 316.000.000 VND).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.442.754.124	21.442.754.124	11.660.586.688	11.660.586.688
Nhà máy bột kềm	6.214.225.643	6.214.225.643	2.556.732.767	2.556.732.767
Dự án mỏ Vàng Pác Lạng	3.771.282.154	3.771.282.154	3.791.282.154	3.791.282.154
Nhà máy luyện chì	6.165.004.363	6.165.004.363	1.981.866.959	1.981.866.959
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Khoan thăm dò mỏ Bó Nặm	-	-	1.190.909.091	1.190.909.091
Các dự án khác	3.702.741.000	3.702.741.000	550.294.753	550.294.753
Tổng	<u>21.442.754.124</u>	<u>21.442.754.124</u>	<u>11.660.586.688</u>	<u>11.660.586.688</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty TNHH MTV Việt Trung (*)			-	-	-	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			6.205.922.401	(6.205.922.401)	-	6.205.922.401	-	(6.205.922.401)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	26,50%	26,50%	1.475.086.581	(1.475.086.581)	-	1.475.086.581	-	(1.475.086.581)
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	(4.730.835.820)	-	4.730.835.820	-	(4.730.835.820)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			20.257.416.075	-	-	15.257.416.075	-	-
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	-	120.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	5,41%	5,41%	15.137.416.075	-	-	15.137.416.075	-	-
Công ty Cổ phần Sầu Riêng Tây Nguyên (**)	5,18%	5,18%	5.000.000.000	-	-	-	-	-
Tổng			26.463.338.476	(6.205.922.401)	(6.205.922.401)	41.463.338.476	(6.205.922.401)	(26.205.922.401)

(*): Trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 37/2022/NQ-HĐQT ngày 29/7/2022 và Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng vốn ngày 27/8/2022 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn và Công ty TNHH Công nghệ Kim Bảo.

(**): Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Sầu Riêng Tây Nguyên theo Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 19/9/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, số tiền góp vốn là 5.000.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ 5,18% vốn điều lệ.

(***): Tại ngày lập Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	28.130.365.020	28.130.365.020	42.588.366.795	42.588.366.795
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	10.384.121.187	10.384.121.187	10.192.965.540	10.192.965.540
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	996.084.121	996.084.121	1.129.315.268	1.129.315.268
Công ty TNHH Thương Mại TTHD 869	3.048.800.724	3.048.800.724	-	-
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	-	-	22.003.256.550	22.003.256.550
Phải trả người bán ngắn hạn khác	13.701.358.988	13.701.358.988	9.262.829.437	9.262.829.437
Tổng	28.130.365.020	28.130.365.020	42.588.366.795	42.588.366.795
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>10.384.121.187</i>	<i>10.384.121.187</i>	<i>32.196.222.090</i>	<i>32.196.222.090</i>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	20.000.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	1.152.233.889	638.775.690
Tổng	21.152.233.889	638.775.690
<i>Trong đó: Người mua trả trước là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>-</i>

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	Phải nộp	15.771.541.156	14.307.223.445	25.292.628.548
Thuế giá trị gia tăng	12.541.000.053	(921.675.457)	9.950.438.002	1.668.886.594
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.569.686	20.929.225	28.416.929	24.081.982
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.694.575.225	1.694.575.225	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	447.992.882	-	174.858.931	273.133.951
Thuế thu nhập cá nhân	374.568.441	80.881.493	410.433.793	45.016.141
Thuế tài nguyên	1.045.176.612	6.845.223.825	6.624.327.270	1.266.073.167
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	347.544.000	1.153.619.749	1.148.427.895	352.735.854
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	983.689.482	5.433.669.385	5.261.150.503	1.156.208.364
Phải thu	21.088.212	4.541.029.785	4.606.766.889	86.825.316
Thuế giá trị gia tăng	21.088.212	4.023.724.813	4.023.724.813	21.088.212
Thuế thu nhập cá nhân	-	517.304.972	583.042.076	65.737.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	4.395.614.253	3.578.210.924
Chi phí lãi vay	2.598.223.782	1.325.233.858
Các khoản khác	1.797.390.471	2.252.977.066
Tổng	4.395.614.253	3.578.210.924

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	6.687.050.421	13.661.698.964
Kinh phí công đoàn	795.063.731	1.079.977.024
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)	100.000.000	200.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)	3.911.834.400	3.911.834.400
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong	-	6.739.200.000
Phải trả, phải nộp khác	1.526.097.130	1.376.632.380
Tổng	6.687.050.421	13.661.698.964

- (1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.
- (2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án, số dư tại ngày 31/12/2022 là số tiền phải trả Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
Vay ngắn hạn	126.998.951.291	126.998.951.291	203.017.897.949	263.707.212.558	187.688.265.900	187.688.265.900
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	24.998.812.215	24.998.812.215	77.412.578.721	76.017.215.664	23.603.449.158	23.603.449.158
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	39.633.139.076	39.633.139.076	97.715.319.228	87.893.181.003	29.811.000.851	29.811.000.851
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (3)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (4)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Hoàng Thị Thanh Hằng (5)	-	-	-	72.747.815.891	72.747.815.891	72.747.815.891
Trần Minh Thành (5)	8.500.000.000	8.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Vũ Phi Hồ (5)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (5)	17.477.000.000	17.477.000.000	17.890.000.000	17.049.000.000	16.636.000.000	16.636.000.000
Vay dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (6)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	136.998.951.291	136.998.951.291	213.017.897.949	273.707.212.558	197.688.265.900	197.688.265.900
<i>Trong đó: Vay ngắn hạn các bên liên quan -(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>39.497.000.000</i>	<i>39.497.000.000</i>			<i>38.644.000.000</i>	<i>38.644.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 07/2022-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 25/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn với hạn mức tối đa 25.000.000.000 đồng bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 30/2021-HĐCVHM/NHCT127-KHOANGSAN ngày 05/11/2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 25/02/2022 đến hết ngày 25/2/2023. Lãi suất được xác định theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng thế chấp số 04.10/2015/HĐTC ngày 30/11/2015; Hợp đồng thế chấp số 01.07/2015/HĐTC ngày 28/07/2015; Hợp đồng thế chấp số 03.06.14/HĐTC-DN ngày 11/07/2014; Hợp đồng thế chấp số 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018; Hợp đồng thế chấp số 42/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; Hợp đồng thế chấp số 33/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; Hợp đồng thế chấp tiền gửi có kỳ hạn số 08/2022/HĐBĐ/NHCT172; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/04/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/04/2020; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 43/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 44/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 45/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 27/10/2020.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/788949/HĐTD ngày 08/4/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cấp hạn mức tín dụng tối đa là 40.000.000.000 đồng đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn của khách hàng tại ngân hàng được chuyển tiếp từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/788949/HĐTD ngày 20/8/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung sang. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/3/2023. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ ký quỹ (gọi chung là hợp đồng đảm bảo) được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này.

(3) Hợp đồng vay vốn số 23/6/2020/HĐVV-CTBX ngày 23/6/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 22/6/2020/HĐVV-CTBX ngày 22/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 19/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 19/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm.

(4) Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐVT 2021/BKC-CĐĐN ngày 04/3/2021 giữa Công ty Cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn số tiền cho vay là 4.000.000.000 đồng để bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày nhận được tiền. Lãi suất cho vay là 11%/năm.

(5) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 10,5%/năm.

(6) Hợp đồng cho vay tiền số 18112022/HĐVT BKC-NTH ngày 18/11/2022 giữa bà Nguyễn Thanh Hiền và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn số tiền 10.000.000.000 đồng để bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay. Lãi suất cho vay là 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng
Số dư tại 01/01/2021	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	18.526.156.066	168.530.402.874
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.431.474.474	6.431.474.474
Số dư tại 31/12/2021	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	24.957.630.540	174.961.877.348
Số dư tại 01/01/2022	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	24.957.630.540	174.961.877.348
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.968.428.038	2.968.428.038
Số dư tại 31/12/2022	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	27.926.058.578	177.930.305.386

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	117.377.280.000	117.377.280.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	117.377.280.000	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	104.355,41	-
Tổng	104.355,41	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	240.298.998.787	377.712.504.659
Tổng	240.298.998.787	377.712.504.659
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	116.413.873.500	313.394.984.463

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	221.945.101.880	347.288.274.432
Tổng	221.945.101.880	347.288.274.432

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.569.632	257.558.190
Tiền chậm thanh toán	-	2.188.227.865
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	111.063.598	-
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	6.500.000.000	-
Tổng	6.678.633.230	2.445.786.055

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	13.420.083.046	13.716.802.101
Trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính	-	4.730.835.820
Tổng	13.420.083.046	18.447.637.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	926.738.298	457.782.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	926.738.298	457.782.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.602.671.554	10.636.027.273
Chi phí nhân viên quản lý	8.109.571.004	6.844.299.838
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.471.553	186.406.283
Chi phí khấu hao TSCĐ	358.111.188	449.163.376
Thuế phí và lệ phí	453.051.417	152.925.112
Chi phí dự phòng	-	412.807.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.519.416.007	1.192.474.300
Chi phí bằng tiền khác	1.993.050.385	1.397.951.241
Tổng	13.529.409.852	11.093.809.273

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.622.615.038	4.545.454.548
Chuyển giao thông tin, bộ tài liệu đề án thăm dò mỏ Chi Kẽm Bó Nặm	3.000.000.000	-
Thu nhập khác	49.876.784	163.328.748
Tổng	7.672.491.822	4.708.783.296
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	173.546.091	167.229.780
Chi phí thanh lý tài sản	-	-
Lãi chậm nộp, phạt thuế	424.266.947	290.030.658
Chi phí chuyển giao thông tin, bộ tài liệu đề án thăm dò mỏ Chi Kẽm Bó Nặm	1.335.454.546	-
Chi phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn HĐLĐ	-	472.764.957
Chi phí khác	853.833.439	675.852.515
Tổng	2.787.101.023	1.605.877.910
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	4.885.390.799	3.102.905.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.968.428.038	6.431.474.474
Các khoản điều chỉnh tăng	424.266.947	290.030.658
<i>Chi phí không được trừ</i>	424.266.947	290.030.658
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.392.694.985	6.721.505.132
Chuyển lỗ	(3.392.694.985)	(6.721.505.132)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	-

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.968.428.038	6.431.474.474
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.968.428.038	6.431.474.474
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	11.737.728	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	253	548

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính 2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	131.645.906.662	209.907.140.716
Chi phí nhân công	48.992.951.787	56.856.602.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.830.208.459	16.958.426.228
Chi phí dự phòng	-	412.807.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.314.148.073	52.655.206.323
Chi phí khác bằng tiền	18.468.158.490	3.103.195.339
Tổng	250.251.373.471	339.893.378.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Cùng ảnh hưởng bởi Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Cùng ảnh hưởng bởi Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	Cùng ảnh hưởng bởi Chủ tịch HĐQT
Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	3.863.360.620	3.845.447.653
Tổng		3.863.360.620	3.845.447.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	1.041.657.204
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên	120.000.000	120.000.000
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên	120.000.000	120.000.000
Tổng		1.080.000.000	1.521.657.204
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban	48.000.000	48.000.000
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Tổng		120.000.000	120.000.000
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	586.649.898	590.700.874
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	368.466.482	325.894.206
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	363.755.498	321.076.302
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	367.067.610	336.774.764
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc	367.067.610	319.894.206
Bà Trần Thị Yến	Kế toán trưởng	345.106.363	273.450.097
Ông Nguyễn Văn Vũ	Người công bố thông tin	265.247.159	36.000.000
Tổng		2.663.360.620	2.203.790.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Biên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
1. Phải thu khách hàng		65.006.669.795	176.276.482.764
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán hàng	-	138.386.269.175
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	-	1.250.000.004
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Bán hàng	-	17.454.201.665
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	Bán hàng	62.116.269.175	16.295.611.300
2. Phải trả người bán		10.384.121.187	32.196.222.090
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Mua hàng	10.384.121.187	10.192.965.540
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Mua hàng	-	22.003.256.550
3. Người mua trả tiền trước		20.000.000.000	-
Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	Ứng trước	20.000.000.000	-
4. Phải thu khác		-	53.893.549.885
Công ty TNHH MTV Việt Trung (*)	Mua hàng	-	53.893.549.885
5. Vay ngắn hạn		39.497.000.000	38.644.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Chi nhánh Thái Nguyên	Vay	82.000.000	82.000.000
Ông Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Vay	17.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trần Thị Yến	Vay	445.000.000	446.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Vay	295.000.000	296.000.000
Ông Đinh Văn Hiến	Vay	955.000.000	496.000.000
Ông Đỗ Đình Thắng	Vay	445.000.000	446.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Vay	395.000.000	496.000.000
Ông Trần Văn Quyền	Vay	2.745.000.000	2.746.000.000
Ông Vũ Gia Hạnh	Vay	445.000.000	446.000.000
Bà Phạm Thị Hương Sen	Vay	1.300.000.000	800.000.000

(*): Tại ngày 01/01/2022, Công ty TNHH Việt Trung là Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Từ ngày 27/8/2022, Công ty TNHH Việt Trung không còn là Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 37/2022/NQ-HĐQT ngày 29/7/2022 và Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng vốn ngày 27/8/2022 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn và Công ty TNHH Công nghệ Kim Bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Giao dịch bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
1. Mua hàng			
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tinh quặng chì	16.962.363.933	39.723.189.045
	Thuê dịch vụ	6.036.040.500	9.239.845.000
	Chi phí phân tích mẫu	16.958.513.933	15.031.580.600
		-	4.636.315.945
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Huy	Mua hàng	3.850.000	52.332.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Mua hàng	-	20.002.960.500
2. Bán hàng		116.413.873.500	313.394.984.463
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	-	4.545.454.548
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Chì thời	116.413.873.500	155.132.319.800
	Thanh toán chậm	-	2.188.227.865
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán hàng	-	125.805.699.250
Công ty TNHH TM quốc tế Vũ Hoàng	Bán hàng	-	25.723.283.000
3. Giao dịch khác		28.142.069.808	39.447.873.677
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Nhận vay	-	12.000.000.000
	Trả vay	-	12.000.000.000
	Lãi vay	1.080.000.000	952.027.398
Công ty Cổ phần bến xe Quảng Ninh	Nhận vay	-	-
	Trả vay	-	4.000.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Lãi vay	-	87.013.698
	Nhận vay	-	-
	Lãi vay	951.999.999	964.082.190
Bà Trần Thị Yến	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	451.000.000	451.000.000
	Lãi vay	-	44.294.529
Ông Bùi Đức Hùng	Nhận vay	300.000.000	450.000.000
	Trả vay	301.000.000	301.000.000
	Lãi vay	-	32.960.422
Ông Đinh Văn Hiến	Nhận vay	9.710.000.000	300.000.000
	Trả vay	9.251.000.000	501.000.000
	Lãi vay	133.530.082	51.194.185
Ông Đỗ Đình Thắng	Nhận vay	450.000.000	500.000.000
	Trả vay	451.000.000	451.000.000
	Lãi vay	-	43.676.754
Ông Nguyễn Trần Nhất	Nhận vay	500.000.000	450.000.000
	Trả vay	601.000.000	501.000.000
	Lãi vay	-	48.072.899
Ông Trần Văn Quyền	Nhận vay	450.000.000	500.000.000
	Trả vay	451.000.000	451.000.000
	Lãi vay	156.554.522	43.401.453
Ông Vũ Gia Hạnh	Nhận vay	450.000.000	2.750.000.000
	Trả vay	451.000.000	451.000.000
	Lãi vay	-	43.848.780
Bà Phạm Thị Hương Sen	Nhận vay	1.000.000.000	800.000.000
	Trả vay	500.000.000	250.000.000
	Lãi vay	52.985.205	30.301.370
	Nhận vay	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Giao dịch chuyển nhượng cổ phần

Theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 10/3/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, thông qua việc chuyển nhượng 100% phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào (tương ứng 23% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào) cho ông Mai Văn Bản với giá trị chuyển nhượng 34.500 USD và chấm dứt đầu tư nước ngoài tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Thời gian hoàn thành việc chuyển nhượng trước ngày 30/6/2023.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yên

Đinh Văn Hiến

Số: 16/2023/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2022:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 đạt so với kế hoạch là 36,48%.
- Đề xuất: Sử dụng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:

- Dự kiến kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 sẽ tiếp tục sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT, Hsơ ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: 17/2023/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
và Thư ký Công ty năm 2023**

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023

Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông qua tại Nghị quyết số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 là **1.236.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Trong đó:

- Thù lao HĐQT: 1.080.000.000 đồng
- Thù lao Ban kiểm soát : 120.000.000 đồng
- Thù lao Thư ký Công ty: 36.000.000 đồng

2. Đề xuất thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua mức thù lao đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023 là **1.236.000.000 đồng** (bằng mức thù lao năm 2022), cụ thể:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT: 1.080.000.000 đồng
- Thù lao của Trưởng ban và Thành viên Ban kiểm soát : 120.000.000 đồng
- Thù lao của Thư ký Công ty: 36.000.000 đồng

3. Mức thù lao cụ thể của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Quyết định của HĐQT và Ban kiểm soát.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty về việc thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: 18/2023/TTr-BKS

TP. Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn,

Ban Kiểm soát (“BKS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn xem xét, thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm 2023 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Ban kiểm soát đề xuất với ĐHĐCĐ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực, trình độ, nhiều kinh nghiệm kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện cuộc kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và các điều kiện, mục tiêu phù hợp khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc giao/ủy quyền cho Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán đáp ứng các tiêu chí nêu tại Mục 1 để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: VT, BKS.



Số: 19/2023/TTr-HĐQT

TP. Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho HĐQT thế chấp tài sản và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Để đáp ứng kịp thời nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua;

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn xem xét, thông qua:

1. Ủy quyền cho HĐQT

1.1. Được thế chấp tài sản Công ty để bảo lãnh vay vốn Ngân hàng, các tổ chức tín dụng có giá trị từ 35% cho đến 100% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty để huy động tối đa nguồn vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty.

1.2. Phê duyệt, ký và triển khai các hợp đồng và giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các giao dịch quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện thế chấp tài sản và phê duyệt, ký, triển khai các hợp đồng, giao dịch theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- TKCT;
- Lưu: VT, Hsơ ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Phi Hồ

Số: /2023/NQ-ĐHĐCĐ
(Dự thảo)

TP. Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

--

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số: /2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng năm 2023.
2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.
3. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.
4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
5. Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022.
6. Tờ trình về việc Thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thủ ký Công ty năm 2023.
7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2023.
8. Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT thể chấp tài sản và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, KTT;
- Thư ký Công ty (CBTT);
- Lưu VT, HsĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Chủ tịch HĐQT
Vũ Phi Hồ**

